

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH KX.01

ĐỀ TÀI CẤP NHÀ NƯỚC KX.01.01

**ĐẶC TRUNG CỦA NỀN KINH TẾ
THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN
Ở VIỆT NAM**

Chủ nhiệm: GS.TS. VŨ ĐÌNH BÁCH

6547

21/9/2007

HÀ NỘI 2005

BAN CHỦ NHIỆM VÀ THÀNH VIÊN CỦA ĐỀ TÀI

I. BAN CHỦ NHIỆM

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. GS.TS. Vũ Đình Bách | Chủ nhiệm |
| 2. GS.TS. Trần Minh Đạo | Phó chủ nhiệm |
| 3. Th.S Hồ Hải Yến | Thư ký hành chính |

II. BAN BIÊN TẬP

- | | |
|-------------------------|---------------|
| 1. GS. TS. Vũ Đình Bách | Trưởng ban |
| 2. GS.TS. Trần Minh Đạo | P. Trưởng ban |
| 3. TS. Hoàng Xuân Nghĩa | Ủy viên |

III. NHỮNG NGƯỜI VIẾT ĐỀ TÀI NHÁNH VÀ CHUYÊN ĐỀ

- | | |
|-----------------------------|------------------------------------|
| 1. GS.TS. Vũ Đình Bách | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 2. GS.TS. Trần Minh Đạo | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 3. GS.TS. Phạm Quang Phan | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 4. GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 5. TS. Phạm Văn Sinh | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 6. PGS.TS. Phan Thanh Phố | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 7. PGS.TS. Lê Thực | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 8. TS. An Như Hải | Học viện CTQG HCM |
| 9. TS. Tô Đức Hạnh | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 10. TS. Nguyễn Ngọc Huyền | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 11. TS. Đào Phương Liên | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 12. PGS.TS. Trần Bình Trọng | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 13. TS. Đặng Thắng | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 14. TS. Nguyễn Đình Tân | Văn phòng Chính phủ |
| 15. NCV. Đào Việt Hưng | Viện Kinh tế và Chính trị thế giới |
| 16. NCV. Nguyễn Ngọc Mạnh | Trung tâm Kinh tế châu Á - TBD |
| 17. Th.S. Trần Lan Hương | Trung tâm Kinh tế châu Á - TBD |

18. TS. Hoàng Xuân Nghĩa	Viện NCPT KINH TẾ – XH Hà Nội
19. PGS.TS. Nguyễn Khắc Thanh	Học viện CTQG HCM
20. TS. Trần Anh Tài	Đại học Quốc gia Hà Nội
21. TS. Nguyễn Hữu Đạt	Viện Kinh tế Việt Nam
22. TS. Nguyễn Văn Minh	Đại học Thương mại Hà Nội
23. PGS.TS. Phạm Thị Quý	Đại học Kinh tế Quốc dân
24. TS. Phạm Huy Vinh	Đại học Kinh tế Quốc dân
25. PGS.TS. Nguyễn Công Nhựt	Đại học Kinh tế Quốc dân
26. GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm	Đại học Kinh tế Quốc dân
27. PGS.TS. Phạm Công Nghĩa	Đại học Kinh tế Quốc dân
28. TS. Phạm Đại Đồng	Đại học Kinh tế Quốc dân
29. Th.S. Phạm Đăng Quyết	TTTT – TK LĐ & XH
30. GS.TS. Hoàng Ngọc Việt	Đại học Kinh tế Quốc dân
31. PGS.TS. Trần Hậu Thự	Đại học Kinh tế Quốc dân
32. TS. Lê Văn Cường	Đại học Kinh tế Quốc dân
33. TS. Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế Quốc dân
34. TS. Vũ Trí Dũng	Đại học Kinh tế Quốc dân
35. GS.TS. Đàm Văn Nhuệ	Đại học Kinh tế Quốc dân
36. PGS.TS. Hoàng Văn Hoa	Đại học Kinh tế Quốc dân
37. GS. Trần Đình Bút	Chuyên viên kinh tế TP. HCM
38. PGS. Đào Công Tiến	Đại học Kinh tế TP. HCM

Và 23 nhà khoa học tham gia viết bài cho hội thảo

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DN	: Doanh nghiệp	PTSX	: Phương thức sản xuất
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước	TKQĐ	: Thời kỳ quá độ
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân	NKTQĐ	: Nền kinh tế quá độ
NKTQD	: Nền kinh tế quốc dân	KT - CT	: Kinh tế chính trị học
KTTT	: Kinh tế thị trường	Nxb	: Nhà xuất bản
LLSX	: Lực lượng sản xuất	CTQG	: Chính trị Quốc gia
QHSX	: Quan hệ sản xuất	KHXH	: Khoa học xã hội
QHSH	: Quan hệ sở hữu	KHCN	: Khoa học, công nghệ
TLSX	: Tư liệu sản xuất	CNTT	: Công nghệ thông tin
TSX	: Tái sản xuất	CNH	: Công nghiệp hoá
FDI	: Đầu tư trực tiếp nước ngoài	HĐH	: Hiện đại hoá
USD	: Đô la Mỹ	NICs	: Các nước CN mới châu Á
NDT	: Đồng nhân dân tệ	EU	: Liên minh châu Âu
VNĐ	: Đồng tiền Việt Nam	R&D	: Nghiên cứu và phát triển
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội	GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
CNCS	: Chủ nghĩa cộng sản	GNP	: Tổng sản phẩm quốc dân
CNTB	: Chủ nghĩa tư bản	HTX	: Hợp tác xã

MỤC LỤC

Lời mở đầu	7
Chương I. Quá trình hình thành và phát triển nền KTTT trên thế giới	11
1.1. Các hệ thống kinh tế. Sự hình thành hệ thống KTTT.....	11
1.1.1. Các hệ thống kinh tế	11
1.1.2. Hệ thống kinh tế thị trường và điều kiện ra đời	12
1.2. Các giai đoạn phát triển của KTTT TBCN.....	15
1.2.1. Giai đoạn phát triển KTTT tự do	16
1.2.2. Giai đoạn phát triển KTTT hiện đại có sự can thiệp của Nhà nước.....	17
1.3. Các con đường phát triển KTTT trên thế giới.....	20
1.3.1. Phát triển KTTT theo con đường tuần tự - cổ điển	20
1.3.2. Phát triển KTTT theo con đường rút ngắn.....	23
1.4. Những kết luận rút ra từ nghiên cứu sự phát triển KTTT	29
Chương II. Các mô hình chủ yếu, đặc trưng và xu hướng vận động của nền KTTT TBCN hiện đại.....	32
2.1. Các mô hình chủ yếu của KTTT TBCN hiện đại	32
2.1.1. Mô hình KTTT tự do Hoa Kỳ.....	32
2.1.2. Mô hình KTTT có điều khiển Nhật Bản.....	40
2.1.3. Mô hình KTTT xã hội Cộng hoà Liên bang Đức	51
2.1.4. Mô hình KTTT Nhà nước phúc lợi Thụy Điển.....	57
2.2. Các đặc trưng và xu hướng vận động của nền KTTT TBCN hiện đại.....	60
2.2.1. Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế.....	60
2.2.2. Phát triển các LLSX TBCN hiện đại dựa trên tiến bộ KHCN, có các công nghệ cao	66
2.2.3. Xã hội hoá các quan hệ kinh tế TBCN	71
2.3. Vai trò lịch sử của kinh tế thị trường TBCN.....	74
2.3.1. Mâu thuẫn, khủng hoảng và sự tự phủ định của CNTB toàn cầu.....	74
2.3.2. Bước chuyển đổi sang xã hội hậu công nghiệp - sự phản ánh tiến trình xã hội phát triển theo định hướng XHCN	81
Chương III. Kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội	86
3.1. Học thuyết Mácxit và các học thuyết khác về CNXH	86
3.1.1. Các tư tưởng XHCN trước C.Mác... ..	86
3.1.2. Học thuyết Mácxit về CNXH.....	88
3.1.3. Mô hình CNXH cổ điển ở Liên xô (cũ) và Đông Âu.....	89

3.1.4. Lý thuyết về CNXH thị trường.....	97
3.2. Mô hình kinh tế thị trường XHCN mang đặc sắc Trung Quốc	101
3.2.1. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng KTTT XHCN mang đặc sắc Trung Quốc.	101
3.2.2. Bản chất của KTTT XHCN mang đặc sắc Trung Quốc	102
3.2.3. Đặc trưng chủ yếu của KTTT XHCN đặc sắc Trung Quốc.....	105
Chương IV. Bản chất, đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.....	120
4.1. Quá trình chuyển đổi sang nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.....	120
4.1.1. Tính tất yếu phát triển KTTT định hướng XHCN.....	120
4.1.2. Nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam như là bước chuyển đổi đặc thù trong tiến trình phát triển chung của nhân loại sang xã hội hậu công nghiệp và nền kinh tế tri thức..	127
4.1.3. Bản chất, nội hàm và ý nghĩa của mô hình KTTT định hướng XHCN	129
4.2. Đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam	133
4.2.1. Đặc trưng về chế độ sở hữu trong nền KTTT định hướng XHCN	133
4.2.2. Đặc trưng về kết cấu kinh tế theo khu vực	145
4.2.3. Đặc trưng của khu vực kinh tế tư nhân	151
4.2.4. Đặc trưng phân phối trong nền KTTT định hướng XHCN.....	158
4.2.5. Đặc trưng về LLSX của nền KTTT định hướng XHCN	164
4.3. Những nhận xét rút ra từ việc so sánh các mô hình KTTT chủ yếu.....	177
Chương V. Các điều kiện đảm bảo cho sự vận hành và phát triển của nền KTTT định hướng XHCN	184
5.1. Thực trạng, nguy cơ và những thách thức đối với sự phát triển của nền KTTT định hướng XHCN	184
5.2. Các điều kiện đảm bảo cho sự vận hành và phát triển của nền KTTT định hướng XHCN.....	194
5.2.1. Đổi mới nhận thức và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản.....	194
5.2.2. Nâng cao vai trò và cơ chế quản lý của Nhà nước XHCN.....	199
5.2.3. Cải tạo và xây dựng cơ cấu trong nền KTTT định hướng XHCN	204
5.2.4. Xây dựng hạ tầng hiện đại, phát triển đồng bộ thể chế và các thị trường riêng của nền KTTT	210
Kết luận	221
Danh mục tài liệu tham khảo.....	223

LỜI MỞ ĐẦU

Đề tài "**Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - mã số KX.01.01**" là một trong 11 đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình KX.01 - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giai đoạn 2001 - 2005. Đề tài có nhiệm vụ trọng tâm cùng với 10 đề tài thuộc Chương trình nhằm luận giải rõ về mặt lý luận và thực tiễn của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một trong những căn cứ góp phần soạn thảo văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo Hợp đồng số 01/2001/HĐ - ĐTCT - KX.01 ký giữa Chủ nhiệm Chương trình KX.01 và Chủ nhiệm Đề tài KX.01.01 ngày 5 tháng 11 năm 2001, Đề tài có 2 mục tiêu:

- Làm rõ những đặc trưng (giống nhau, khác nhau) của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa (KTTT TBCN), kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (KTTT XHCN), kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (KTTT định hướng XHCN).

- Kiến nghị những điều kiện cơ bản đảm bảo sự phát triển và xây dựng thành công nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.

Giải quyết thấu đáo hai mục tiêu này là một việc vô cùng khó khăn. Bởi lẽ, Việt Nam là quốc gia đầu tiên đề xuất mô hình đặc thù “nền KTTT định hướng XHCN” - hoàn toàn chưa có tiền lệ và cũng chưa được thực tiễn kiểm nghiệm. Trong khi đó, lý luận về nền KTTT TBCN đã có từ rất sớm và rất phong phú, ngay cả trước khi Học thuyết Mác - xít xuất hiện. Lý luận này không phải gì khác hơn, mà chính là sản phẩm tất yếu của nhận thức khoa học về nền KTTT TBCN đương thời, nhất là trong thế kỷ XIX. Nhưng từ đó đến nay bản thân KTTT TBCN không đứng yên mà trái lại, đã tự mình biến đổi rất nhiều để có thể thích nghi và phát triển trong những điều kiện mới của tổ chức sản xuất và công nghệ.

Thực tiễn cũng cho thấy các mô hình KTTT TBCN ở những nước khác nhau không giống nhau, mà có sự khác biệt đáng kể. Mỗi mô hình KTTT cụ thể đều phù hợp với những đặc điểm truyền thống, văn hóa dân tộc cũng như trình độ sản xuất của xã hội. Hơn nữa, chúng còn không ngừng cạnh tranh và hợp tác với nhau để phát triển. Cạnh tranh giữa những hàng hóa - dịch vụ của các quốc gia trên thị trường thế giới về thực chất là sự cạnh tranh giữa các mô hình KTTT. Chính điều này làm nên sức sống và sự trường tồn của KTTT với

tư cách là thành tựu văn minh, hình thái xã hội của tổ chức các liên hệ sản xuất và mâu thuẫn của hoạt động kinh tế giữa con người. Chúng ta thấy hiển nhiên, mỗi mô hình KTTT cụ thể ở một quốc gia có thể thăng trầm, nhưng nền KTTT nói chung thì không ngừng đổi mới và phát triển. Chính sự rút lui và đào thải theo quy luật thị trường đối với những mô hình kém sức cạnh tranh lại là điều kiện để khẳng định các mô hình mới hiệu quả, năng động và đầy sức sống.

Nhưng đổi lập lại một cách thách thức, mô hình CNXH thuần nhất dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, với cơ chế vận hành theo kế hoạch hoá tập trung, phi thị trường sau hơn 70 năm tồn tại đã tỏ ra không có sức sống nội sinh, lâm vào khủng hoảng và bế tắc. Cuối cùng, mô hình này phải chấp nhận thất bại sâu sắc trước KTTT trong cuộc cạnh tranh lịch sử và buộc phải quay trở về (=chuyển đổi sang) cơ chế thị trường của vận hành kinh tế. Một mô hình KTTT mới của CNXH đã được khởi xướng bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc: KTTT XHCN mang đặc sắc Trung Quốc. Mô hình KTTT mới này được xây dựng dựa trên quan điểm: "sáng tạo, không ngừng giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, tiến lên cùng thời đại", nhưng vẫn "kiên trì nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác". Một câu hỏi được đặt ra: phải chăng đây là mô hình mới, con đường mới thực sự?

Thực tế, từ khi chúng ta tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đất nước nhanh chóng thoát ra khỏi khủng hoảng và suy thoái, nền kinh tế thực sự có bước phát triển ổn định, vững chắc, tiềm lực sản xuất và cơ sở vật chất – kỹ thuật không ngừng được nâng cao, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Nội dung của đổi mới ở đây chính là đổi mới về thể chế và cơ chế kinh tế, từng bước áp dụng mô thức thị trường thay cho mô thức kế hoạch hoá chỉ huy. Trên cơ sở tổng kết và khái quát từ thực tiễn đổi mới phong phú, sinh động, Đảng ta đã đề xuất tư tưởng sử dụng cơ chế thị trường vào xây dựng CNXH ở Việt Nam: *"nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN"*. Đến nay tư tưởng này được tiếp tục phát triển, khái quát hóa và nâng cao thành mô hình mới của CNXH: *"nền kinh tế thị trường định hướng XHCN"*.

Tuy rằng chúng ta chấp nhận KTTT, nhưng không khỏi có những băn khoăn: Liệu KTTT và CNXH có thể kết hợp với nhau được hay không? Nếu có thì sự kết hợp và cơ chế vận hành kinh tế cụ thể sẽ thế nào? Vậy thì KTTT định hướng XHCN giống, khác gì so với các nền KTTT thông thường và con

đường xây dựng nó sẽ phải ra sao? Trả lời những câu hỏi trên đây cũng chính là yêu cầu phải làm rõ đặc trưng và điều kiện đảm bảo cho nền KTTT định hướng XHCN. Vấn đề này hiện đang được tiếp tục nghiên cứu, tranh luận và còn có những ý kiến khác nhau. Hơn nữa, chính bản thân đối tượng là nền KTTT định hướng XHCN cũng đang trong giai đoạn hình thành và phát triển chưa đầy đủ, chưa chín muồi. Tuy nhiên, với tư cách là nghiên cứu lý luận, vẫn cần thiết phải đưa ra những phân tích, khái quát hóa về bản chất, những kết luận về phương diện quy luật và nguyên tắc, nhằm chỉ đạo cho quá trình nhận thức, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn mang tính cách mạng và sáng tạo. Đó cũng là lý do của việc hình thành Đề tài "**Đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam**". Đề tài được thực hiện theo các nội dung chủ yếu sau:

- Quá trình hình thành, phát triển và sự vận hành của nền KTTT.
- Các mô hình chủ yếu, đặc trưng và xu hướng vận động của nền KTTT TBCN hiện đại.
- Mối quan hệ giữa KTTT và CNXH như là những nấc thang tiến hoá tự nhiên.
- Cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành, đặc trưng của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.
- Kiến nghị về những điều kiện cơ bản đảm bảo sự vận hành, phát triển của nền KTTT định hướng XHCN.

Trên cơ sở những nội dung được đề cập, để đảm bảo thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và phù hợp với đối tượng nghiên cứu, Đề tài sử dụng những phương pháp và quan điểm tiếp cận chủ yếu sau:

Thứ nhất, lấy yêu cầu phát triển kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất là tiêu chuẩn cao nhất để kiểm chứng đối với các quyết sách cũng như những đề xuất lý luận.

Thứ hai, dựa trên nền tảng cơ bản của Học thuyết Mác - Lênin, có tính đến sự phát triển mới của nhận thức về những nội dung cụ thể của Học thuyết, theo nguyên tắc tôn trọng thực tiễn khách quan của xu thế vận động tiến bộ xã hội do Học thuyết phát hiện ra.

Thứ ba, xuất phát từ mục tiêu xây dựng đất nước do Đảng đề ra: “Làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, đồng thời mạnh dạn đối chiếu với kết quả đạt được, kết hợp phân tích lý luận với khảo sát, điều tra thực tiễn để chỉ ra những khía cạnh "không tương" và "nóng vội

duy ý chí” của các mô hình và lý thuyết về CNXH trong quá khứ cũng như hiện tại.

Thứ tư, đề cao nguyên tắc giải phóng tư tưởng, nghiêm túc trao đổi tranh luận, tăng cường tính sáng tạo khoa học và thực sự cầu thị trong quá trình tìm tòi chân lý.

Với tinh thần trên, trong quá trình triển khai Đề tài, nhóm nghiên cứu đã tìm tòi, tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu gốc và nhiều quan niệm khác nhau của các nhà khoa học trong, ngoài nước, tổ chức nhiều cuộc hội thảo và đặc biệt là tổ chức các trao đổi chuyên đề sâu với giới khoa học cả nước, kể cả tranh thủ ý kiến các nhà khoa học nước ngoài, tiến hành khảo sát ở nhiều địa phương khác nhau. Nhân đây đề tài xin trân trọng bày tỏ lời cảm ơn tới Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố: Hải Phòng, Bắc Ninh, Hà Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Dương, An Giang, Cần Thơ, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, các nhà khoa học, các nhà quản lý đã giúp đỡ và đóng góp ý kiến cho Ban chủ nhiệm Đề tài trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.